

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 04-3-2019.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Đến;

2. Ông Danh On.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Kim H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Đồng bị đơn:* Ông **Trần Quốc A**, sinh năm 1957.

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1952

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà H có mặt tại phiên Tòa; Ông A, bà B vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2018, nguyên đơn bà Trần Kim H trình bày:

Trước đây, vào ngày 04/3/2018, Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A có mượn tiền của bà H với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hai bên có làm biên nhận. Bà B hứa 06 tháng sau sẽ trả tiền cho bà H. Đến hạn trả tiền thì bà B và ông A không thực hiện nên bà H đòi nhiều lần vẫn không có kết quả. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đồng thời bà H không yêu cầu tính lãi xuất. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì.

Tại biên lời khai của mình, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị B ông Trần Quốc A thừa nhận vào ngày 04/3/2018 có mượn của bà Trần Kim H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) việc này có làm biên nhận. Thời hạn mượn tiền là 06 tháng. Do làm ăn thua lỗ và ông A bị bệnh nên đến nay bà B và ông A vẫn chưa trả tiền cho bà H. Nay bà B và ông A đồng ý trả cho bà H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên bà B và ông A xin trả cho bà H mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà Trần Kim H kiện đòi bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Kim H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Kim H kiện đòi bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đây là tranh

chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản) đồng thời đồng bị đơn Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn là đúng theo quy định khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Kim H kiện đòi bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà Trần Kim H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), nhận thấy :

Trước đây, vào ngày 04/3/2018, bà B và ông A có mượn tiền của bà H với số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hai bên có làm biên nhận. Bà B cam kết 06 tháng sau sẽ trả tiền cho bà H. Đến hạn trả tiền thì bà B và ông A không thực hiện nên bà H đòi nhiều lần vẫn không có kết quả. Như vậy bà B và ông A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại lời khai của mình, bà B và ông A thừa nhận còn nợ bà H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bà B và ông A cam kết sẽ trả cho bà H với mức 2.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Sự thừa nhận nợ của bà B và ông A là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại lời khai của mình cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Kim H kiên quyết yêu cầu bà B và ông A trả nợ một lần. Bà Trần Kim H không đồng ý phương thức bà B và ông A đưa ra là trả cho bà H 2.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H kiện đòi bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Do đó, buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Kim H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền là 5.000.000đ (5% x 100.000.000đ). Nhưng bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A cùng có đơn xin miễn nộp án phí. Xét thấy bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A hiện nay là người cao tuổi (nay Bông 62 tuổi, ông A 67 tuổi) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định về miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thì bà B và ông A được miễn nộp toàn bộ án phí nêu trên.

Bà Trần Kim H đã dự nộp án phí số tiền 2.500.000đ nên được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà Trần Kim H kiện đòi bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A phải trả cho bà Trần Kim H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Kim H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền là 5.000.000đ. Nhưng bà Nguyễn Thị B và ông Trần Quốc A được miễn toàn bộ án phí nên bà B và ông A không phải nộp.

Bà Trần Kim H đã dự nộp án phí số tiền 2.500.000đ theo biên lai thu số 0005949 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt